|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 239 /TTr-UBND | *Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 7 năm 2017* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2017 - 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư số [152/2016/TT-BTC](file:///E:\TÀI%20LIỆU\VAN%20BAN%20PHAP%20QUY%20VE%20DAY%20NGHE\152-2016-TT-BTC.doc) ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính về việc [quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng](file:///E:\TÀI%20LIỆU\VAN%20BAN%20PHAP%20QUY%20VE%20DAY%20NGHE\152-2016-TT-BTC.doc); Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](file:///E:\TÀI%20LIỆU\VAN%20BAN%20PHAP%20QUY%20VE%20DAY%20NGHE\61_2015_ND-CP_281864.pdf) ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14, Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Sự cần thiết**

Những năm qua, nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực lao động xã hội, đặc biệt là nguồn nhân lực qua đào tạo nghề; trên cơ sở các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành một số qui định về cơ chế, chính sách và kế hoạch triển khai thực hiện đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm; qua đó, công tác đào tạo nghề nói chung đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động trên các lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế hộ gia đình và địa phương, bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Nguồn nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất và dịch vụ; chuyển dịch cơ cấu lao động chưa theo kịp chuyển dịch cơ cấu kinh tế; việc làm của người lao động thiếu bền vững dẫn đến tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn còn gia tăng; đào tạo nghề chưa thật sự gắn liền với giải quyết việc làm; các cấp, các ngành quản lý chưa thực sự quan tâm đúng mức đến vấn đề lao động - việc làm - dạy nghề; tính lồng ghép của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội để tạo việc làm hiệu quả chưa cao; nhiều cơ chế chính sách về đào tạo nghề được ban hành nhưng nguồn lực ngân sách nhà nước và cơ chế chính sách nhằm đảm bảo tổ chức thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu. Vì vậy, trên cơ sở cụ thể hóa các qui định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và thẩm quyền quyết định phân bổ ngân sách địa phương, việc ban hành Nghị quyết về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là cần thiết.

**2. Căn cứ ban hành Nghị quyết:**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6 /2015; Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014; Quyết định số [1956/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=1956/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số[971/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=971/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số[1956/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=1956/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số [1600/QĐ-TTg](file:///E:\TÀI%20LIỆU\VAN%20BAN%20PHAP%20QUY%20VE%20DAY%20NGHE\1600_QD_TTg.pdf) ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ [phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020](file:///E:\TÀI%20LIỆU\VAN%20BAN%20PHAP%20QUY%20VE%20DAY%20NGHE\1600_QD_TTg.pdf); Quyết định số [46/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=46/2015/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất; Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số [112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=112/2010/TTLT-BTC-BL%C4%90TBXH&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 30/7/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” ban hành theo Quyết định số [1956/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=1956/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số [128/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=128/2012/TTLT-BTC-BL%C4%90TBXH&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 09/8/2012 của Bộ Tài chính - Bộ  Lao động Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số[112/TTLT-BTC-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=112/TTLT-BTC-BL%C4%90TBXH&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 30/7/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Thông tư số [152/2016/TT-BTC](file:///E:\TÀI%20LIỆU\VAN%20BAN%20PHAP%20QUY%20VE%20DAY%20NGHE\152-2016-TT-BTC.doc) ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính về việc [quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng](file:///E:\TÀI%20LIỆU\VAN%20BAN%20PHAP%20QUY%20VE%20DAY%20NGHE\152-2016-TT-BTC.doc); Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14, Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; Thông tư số 44/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù.

**II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục tiêu**

*1.1 Mục tiêu tổng quát:*

- Đa dạng hoá ngành, nghề đào tạo gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trên địa bàn tỉnh cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo; hình thành đội ngũ lao động có tay nghề, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh đạt 70% vào năm 2020 và cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) cấp tỉnh; tạo sự chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

- Đối với các ngành nghề phi nông nghiệp: Tập trung đào tạo các nghề để phát triển công nghiệp phụ trợ; đào tạo theo vị trí việc làm tại doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các làng nghề; đào tạo nghề tạo điều kiện cho người lao động vào làm việc tại các khu kinh tế, cụm công nghiệp; đào tạo theo định hướng xuất khẩu lao động, các nghề có thể tự tạo việc làm, tổ chức sản xuất tại địa phương, nhất là khu vực nông thôn.

- Đối với các ngành nghề nông nghiệp: Đào tạo phục vụ hiệu quả cho nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất công nghệ cao và an sinh xã hội nông thôn tại các địa phương; đào tạo gắn với quy hoạch sản phẩm chủ lực, các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, với các mô hình sản xuất và kế hoạch xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

*1.2. Mục tiêu cụ thể:*

Giai đoạn 2017 - 2020 toàn tỉnh tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho 53.570 người (bình quân gần 13.400 người/năm); trong đó:

- Đào tạo các nghề công nghiệp - xây dựng: 17.142 người, chiếm 32%;

- Đào tạo các nghề thương mại - dịch vụ: 17.678 người, chiếm 33%;

- Đào tạo các nghề nông - lâm - ngư nghiệp: 18.750 người, chiếm 35%;

Sau đào tạo tỷ lệ lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm việc cũ nhưng có thu nhập cao hơn đạt từ 75 - 80%.

*(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)*

**2. Đối tượng, ngành, nghề, chi phí, trình độ, hình thức và cơ sở đào tạo**

*2.1. Đối tượng:*

Là lao động có độ tuổi từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi đối với nam, từ đủ 15 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ; có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, bao gồm:

- Người lao động là phụ nữ; người khuyết tật;

- Người lao động có hộ khẩu thường trú tại các xã, phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc người thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp, đất kinh doanh bị thu hồi;

- Người lao động thuộc các hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

- Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được tham gia học nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ);

- Người chấp hành xong án phạt tù đã trở về cộng đồng, chưa được xoá án tích (sau đây gọi tắt là người chấp hành xong án phạt tù).

Trong đó, ưu tiên đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật; người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ bị mất việc làm; ngư dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển.

*2.2. Ngành, nghề đào tạo:*

Ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh theo danh mục đính kèm *(chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)*.

Trường hợp có phát sinh các nghề mới cần phải đưa vào danh mục, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với nhu cầu của người lao động và tình hình thực tế hàng năm của tỉnh.

*2.3. Trình độ đào tạo:*

a) Trình độ sơ cấp:

- Được thực hiện từ 03 tháng đến dưới 01 năm học; khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu là 03 mô - đun đào tạo, với thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ, trong đó thời gian thực hành, thực tập tối thiểu chiếm từ 70% thời gian thực học.

- Yêu cầu về kiến thức: Hiểu biết và có kiến thức cơ bản về các yêu cầu, tiêu chuẩn đối với từng công việc của nghề; hiểu biết và có kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc, vị trí làm việc và nơi làm việc; áp dụng được các kiến thức cơ bản được đào tạo vào công việc thực tế và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

- Yêu cầu về kỹ năng: Làm được các công việc đơn giản hoặc công việc có tính lặp lại của một nghề và các kỹ năng cần thiết khác tương thích với nghề; có khả năng tiếp nhận, ghi chép và chuyển thông tin theo yêu cầu; nắm vững yêu cầu, tiêu chuẩn, kết quả đối với công việc ở các vị trí làm việc xung quanh hoặc công việc có liên quan; chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình.

b) Đào tạo dưới 03 tháng: Có thời gian khóa học (từ khi khai giảng đến khi bế giảng) dưới 03 tháng; thời gian thực học từ 100 giờ đến dưới 300 giờ trong đó thời gian thực hành, thực tập tối thiểu chiếm từ 80% thời gian thực học; nhằm trang bị cho học viên năng lực thực hành một nghề đơn giản hoặc năng lực thực hành một số công việc của một nghề hoặc năng lực thực hành theo yêu cầu của vị trí làm việc.

*2.4. Hình thức đào tạo:*

Hình thức đào tạo: Đối với các nghề phi nông nghiệp, có thể theo các khoá học tập trung toàn bộ thời gian (đào tạo chính quy) do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc các doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện. Đối với các nghề nông nghiệp, cần tổ chức đào tạo theo hình thức vừa làm, vừa học (đào tạo thường xuyên); tổ chức đào tạo trên thực địa, tại các vườn, ruộng, ao, chuồng, trang trại sản xuất; thời gian đào tạo phù hợp với nhu cầu, điều kiện, tập quán sản xuất của người lao động, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và chu trình sinh trưởng của vật nuôi, cây trồng trên địa bàn.

*2.5. Các cơ sở tham gia đào tạo:* Cơ sở tham gia đào tạo nghề nghiệp trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, gồm:

- Các trường cao đẳng; trường trung cấp;

- Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;

- Các doanh nghiệp có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

**3. Chính sách định mức hỗ trợ đào tạo**

*3.1. Mức hỗ trợ cho người học:*

- Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

+ Người khuyết tật, người lao động thuộc các hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt *(Đối tượng 1)*: Mức tối đa 06 (sáu) triệu đồng/người/khóa học.

+ Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ *(Đối tượng 2)*: Mức tối đa 04 (bốn) triệu đồng/người/khóa học.

+ Người dân tộc thiểu số; người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ bị mất việc làm; ngư dân *(Đối tượng 3)*: Mức tối đa 03 (ba) triệu đồng/người/khóa học.

+ Người thuộc hộ cận nghèo *(Đối tượng 4)*: Mức tối đa 2,5 (hai phẩy năm) triệu đồng/người/khóa học.

+ Người học là phụ nữ; người chấp hành xong án phạt tù; lao động nông thôn không thuộc các đối tượng nêu trên *(Đối tượng 5)*: Mức tối đa 02 (hai) triệu đồng/người/khóa học.

+ Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ *(Đối tượng 6)*: Mức tối đa 14,52 (mười bốn phẩy năm hai) triệu đồng/người/khóa học (theo mức hỗ trợ ghi trong thẻ đào tạo nghề, có giá trị tối đa bằng 12 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm tính toán).

- Trường hợp người học đồng thời thuộc nhiều đối tượng ưu tiên, chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất.

- Mức hỗ trợ chi phí đào tạo cụ thể cho từng nghề theo danh mục đính kèm *(chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo).* Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện; đối với các nghề chưa có tên trong danh mục, thực hiện theo mức hỗ trợ của nghề trong cùng lĩnh vực, có đặc điểm tương đương và cùng một thời gian đào tạo.

- Trường hợp mức hỗ trợ chi phí đào tạo thấp hơn định mức chi phí đào tạo, cơ sở đào tạo huy động kinh phí đóng góp của người học, hỗ trợ của doanh nghiệp và nguồn tài trợ hợp pháp khác để bảo đảm chi phí đào tạo.

- Người lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách này. Những người đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách này. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách này nhưng tối đa không quá 03 lần.

*3.2. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại:*

- Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ; người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động thuộc các hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; lao động nữ bị mất việc làm; người chấp hành xong án phạt tù, ngoài việc được hỗ trợ chi phí học tập, được hỗ trợ thêm các khoản sau:

+ Hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

+ Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên;

- Người khuyết tật và người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05km trở lên.

*3.3. Hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp:*

- Giáo viên khi tham gia đào tạo nghề, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp thường xuyên phải xuống các xã đặc biệt khó khăn và biên giới theo Quyết định số [204/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=204/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 để đào tạo nghề từ 15 ngày trở lên trong tháng được phụ cấp 0,2 lần so với mức lương cơ sở.

- Giáo viên dạy thực hành các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, được hưởng phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ.

**4. Kinh phí thực hiện**

*4.1. Kinh phí hỗ trợ đào tạo:*

Tổng kinh phí thực hiện: 172.441,830 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương từ Chương trình MTQG NTM: 42.800 triệu đồng;

- Ngân sách Trung ương thực hiện Đề án “ Bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế” (Quyết định 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ): 54.000 triệu đồng (thực hiện từ năm 2017 đến năm 2018);

- Ngân sách Trung ương thực hiện các chính sách khác: 4.825,902 triệu đồng;

- Ngân sách tỉnh: 15.000 triệu đồng;

- Ngân sách cấp huyện: 3.621,278 triệu đồng;

- Nguồn huy động xã hội hoá và lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 52.194,650 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 04, 05 kèm theo).*

*4.2. Kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng CSVC và thiết bị đào tạo:*

Bố trí kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng CSVC và thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết “Về việc đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2017 - 2010” tại Kỳ họp lần thứ 4, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII *(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm)*./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như kính gửi;  - TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Chánh VP, PVP UBND tỉnh (phụ trách);  - Lưu: VT, VX1, XD;  - Gửi: Bản giấy. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(Đã ký)**  **Đặng Quốc Vinh** |